

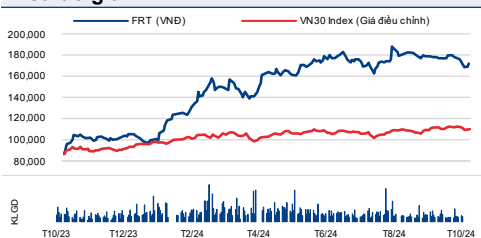
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ211,600
Tiềm năng tăng/giảm: 23.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	171.200
Mã Bloomberg	FRT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	87,000-188,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	170,700
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	23,325
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	921
Slg CP lưu hành (tr.đv)	136
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	66.8
Slg CP NN được mua (tr.đv)	17.3
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	36.3%
Tỷ lệ freefloat	43.6%
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần FPT (46.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	31,850	38,316	45,150
EBITDA đc (tỷ đồng)	(84.5)	993	1,498
LNTT (tỷ đồng)	(294)	421	919
LNT ĐC (tỷ đồng)	(346)	210	560
FCF (tỷ đồng)	(2,531)	(366)	247
EPS ĐC (đồng)	(2,537)	1,543	4,111
DPS (đồng)	0	0	500
BVPS (đồng)	11,738	13,281	16,892
T.trưởng EBITDA (%)	(115)	1,275	50.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	(189)	161	166
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(0.27)	2.59	3.32
Tỷ suất LNTT (%)	(0.92)	1.10	2.04
Tỷ suất LNT ĐC (%)	(1.09)	0.55	1.24
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	12.2
Nợ thuần/VCSH (%)	449	394	302
ROAE (%)	(19.2)	12.3	27.2
ROACE (%)	(4.48)	35.7	49.0
EV/doanh thu (lần)	0.96	0.79	0.67
EV/EBITDA ĐC (lần)	(361)	30.6	20.2
P/E ĐC (lần)	N/a	111	41.6
P/B (lần)	14.6	12.9	10.1
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.29

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FRT là nhà bán lẻ điện thoại và được phẩm. Tại thời điểm cuối quý 3/2023, công ty có 791 cửa hàng điện thoại FPT Shop và 1.384 nhà thuốc Long Châu.

Chuyên viên phân tích

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
manh.tdang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2024: Vượt dự báo nhờ chuỗi FPT Shop có chuyển biến tích cực

- Lợi nhuận thuần Q3/2024 của FRT đạt 141 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với dự báo của HSC ở mức 71 tỷ đồng, chủ yếu nhờ chuyển biến lợi nhuận tích cực tại chuỗi FPT Shop diễn ra sớm hơn dự báo. Trong khi đó, doanh thu thuần đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ (sát với dự báo của chúng tôi).
- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của FRT trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 28,7 nghìn tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) và 206 tỷ đồng (chuyển biến tích cực từ lỗ 245 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023), hoàn thành lần lượt 75% và 98% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% từ mức đỉnh trong tháng 8/2024, các yếu tố cơ bản của FRT vẫn không thay đổi, và với việc hoàn thành kế hoạch tăng vốn (có thể trong Q1/2025), HSC đang nhận thấy yếu tố rủi ro-lợi nhuận của FRT đang cải thiện. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố lợi nhuận Q3/2024

Lợi nhuận thuần Q3/2024 của FRT ở mức 141 tỷ đồng là kết quả tích cực đáng ngạc nhiên đối với chúng tôi, cao hơn nhiều so với dự báo ở mức 71 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu thuần đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ, sát với dự báo của HSC ở mức 10,2 nghìn tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của FRT đạt lần lượt 28,7 nghìn tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) và 206 tỷ đồng (chuyển biến tích cực từ lỗ 245 tỷ đồng). Với kết quả trên, FRT đã hoàn thành lần lượt 75% và 98% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

FPT Shop: Chuyển biến tích cực sớm hơn dự báo

Trong Q3/2024, chuỗi FPT Shop ghi nhận doanh thu 3.981 tỷ đồng (giảm 3% so với cùng kỳ nhưng tăng 19% so với quý trước), khả năng được hỗ trợ từ yếu tố thời vụ (ví dụ như nhu cầu máy tính xách tay trong mùa tựu trường, và việc ra mắt iPhone 16). Doanh thu hàng tháng trên mỗi cửa hàng có dấu hiệu cải thiện, tăng vọt lên mức cao nhất trong 7 quý vừa qua, đạt 2,1 tỷ đồng so với 1,7 tỷ đồng trong Q3/2023 và 1,6 tỷ đồng trong Q2/2024. Lưu ý, việc đóng cửa hàng vẫn diễn ra trong Q3/2024, dẫn đến tổng số cửa hàng giảm xuống còn 637 cửa hàng (giảm 5 cửa hàng so với quý trước và 118 cửa hàng kể từ đầu năm).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, FRT

Lợi nhuận thuần Q3/2024 đạt 141 tỷ đồng và vượt dự báo của chúng tôi, phần lớn nhờ lợi nhuận của chuỗi FPT Shop chuyển biến tích cực

Tỷ đồng	Q3/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	9T2024	% so với cùng kỳ	% 2024F
Doanh thu thuần	10,376	26%	12%	28,657	24%	75%
Lợi nhuận gộp	1,890	38%	4%	5,509	51%	75%
Chi phí HĐ	(1,658)	25%	-1%	(5,022)	37%	75%
Lợi nhuận HĐ	233	412%	80%	487	Đào chiều	73%
Lỗ tài chính	(33)	-24%	-6%	(104)	-42%	45%
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	141	Đào chiều	428%	206	Đào chiều	98%

Nguồn: FRT, HSC

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên 13,6% trong Q3/2024 so với 11,3% trong Q3/2023 và 13,8% trong Q2/2024, nhờ cơ cấu doanh thu thuần lợi hơn. Mặc dù doanh thu tăng 19% so với quý trước, chi phí hoạt động và chi phí tài chính thuần được duy trì ở mức không đổi so với quý trước, vì hoạt động tái cấu trúc đang mang lại hiệu quả. Điều này dẫn đến sự chuyển biến lợi nhuận tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 40 tỷ đồng, so với dự báo lỗ thuần 20 tỷ đồng. Chúng tôi đã từng dự báo chuỗi bán lẻ này chỉ có thể ghi nhận lợi nhuận trong Q4/2024.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, chúng tôi dự báo chuỗi FPT shop đạt doanh thu 11 nghìn tỷ đồng (giảm 11% so với cùng kỳ), bằng 72% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi, trong khi lỗ thuần sẽ thu hẹp xuống còn 73 tỷ đồng từ mức lỗ 387 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023, tích cực hơn dự báo lỗ thuần năm 2024 của chúng tôi ở mức 137 tỷ đồng.

Chuỗi nhà thuốc Long Châu: Vững chắc và vượt nhẹ dự báo

Doanh thu thuần Q3/2024 của chuỗi nhà thuốc Long Châu (từ nhà thuốc đến các trung tâm tiêm chủng) tăng vọt lên mức cao mới là 6.395 tỷ đồng (tăng 55% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước), so với dự báo của chúng tôi ở mức 6.216 tỷ đồng. Tốc độ mở cửa hàng mới trong Q3/2024 tăng nhanh hơn nửa đầu năm 2024, với 143 cửa hàng mới, nâng tổng số cửa hàng trong chuỗi lên 1.849. Doanh thu hàng tháng trên mỗi cửa hàng vẫn ổn định ở mức 1,2 tỷ đồng.

Chúng tôi ước tính chuỗi nhà thuốc này đạt lợi nhuận thuần 126 tỷ đồng, tăng 125% so với cùng kỳ và 15% so với quý trước, cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 112 tỷ đồng, nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Long Châu ghi nhận 18 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 63% so với cùng kỳ, hoàn thành 76% dự báo cho cả năm của chúng tôi. Lợi nhuận thuần của chuỗi đạt 347 tỷ đồng và hoàn thành 78% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% từ mức đỉnh trong tháng 8/2024, các yếu tố cơ bản của FRT vẫn không thay đổi, và với việc hoàn thành kế hoạch tăng vốn (có thể trong Q1/2025), HSC đang nhận thấy yếu tố rủi ro-lợi nhuận của Công ty đang cải thiện. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Các số liệu quan trọng, FPT Shop

Lợi nhuận thuần Q3 của chuỗi FPT Shop đã khởi sắc sau 6 quý báo lỗ

	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5,185	5,456	4,582	3,605	4,104	3,964	3,583	3,340	3,981
Tăng trưởng	35%	-23%	-19%	-18%	-21%	-27%	-22%	-7%	-3%
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (tỷ đồng)	82	80	(66)	(252)	(69)	(88)	(51)	(62)	40
Số lượng cửa hàng	745	786	807	800	791	755	743	642	637
Doanh thu mỗi cửa hàng theo tháng (tỷ đồng)	2.3	2.4	1.9	1.5	1.7	1.7	1.6	1.6	2.1
Tỷ suất lợi nhuận gộp %	12.1%	11.8%	9.3%	8.1%	11.3%	11.4%	13.4%	13.8%	13.6%
Chi phí HĐ / Doanh thu thuần %	-10.2%	-9.9%	-10.2%	-14.4%	-12.8%	-13.2%	-14.4%	-14.5%	-12.2%
Tỷ suất lợi nhuận HĐ %	1.8%	1.9%	-0.9%	-6.2%	-1.4%	-1.8%	-1.0%	-0.8%	1.4%
Tỷ suất lợi nhuận thuần %	1.6%	1.5%	-1.4%	-7.0%	-1.7%	-2.2%	-1.4%	-1.8%	1.0%

Nguồn: FRT, HSC

Bảng 3: Các số liệu quan trọng, Long Châu

Tốc độ mở mới các cửa hàng trong Q3/2024 nhanh hơn nhiều so với 6 tháng đầu năm 2024

	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2,525	3,002	3,171	3,565	4,132	4,727	5,459	5,900	6,395
Tăng trưởng	116%	109%	48%	97%	64%	57%	72%	65%	55%
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (tỷ đồng)	4	17	68	37	56	(15)	111	110	126
Số lượng cửa hàng	800	937	1,056	1,243	1,384	1,497	1,587	1,706	1,849
Số lượng cửa hàng mới	122	137	119	187	141	113	90	119	143
Doanh thu mỗi cửa hàng theo tháng (tỷ đồng)	1.15	1.16	1.10	1.03	1.08	1.11	1.18	1.19	1.20
Tỷ suất lợi nhuận gộp %	22.6%	22.9%	23.9%	22.2%	21.9%	22.6%	24.3%	22.9%	21.1%
Chi phí HĐ / Doanh thu thuần %	-21.6%	-21.1%	-20.5%	-19.7%	-19.4%	-22.4%	-21.4%	-20.3%	-18.3%
Tỷ suất lợi nhuận HĐ %	1.0%	1.7%	3.4%	2.5%	2.5%	0.2%	2.9%	2.6%	2.8%
Tỷ suất lợi nhuận thuần %	0.2%	0.7%	2.3%	1.2%	1.6%	-0.4%	2.4%	2.0%	2.1%

Nguồn: FRT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	30,166	31,850	38,316	45,150	51,383
Lợi nhuận gộp	4,703	5,162	7,368	8,923	10,413
Chi phí BH&QL	(4,147)	(5,246)	(6,700)	(7,766)	(8,845)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	557	(84.5)	668	1,157	1,569
Lãi vay thuần	(83.8)	(222)	(234)	(249)	(238)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	12.9	12.4	(13.3)	11.9	12.5
LNTT	486	(294)	421	919	1,344
Chi phí thuế TNDN	(87.5)	(35.0)	(112)	(188)	(272)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7.71)	(16.4)	(99.5)	(171)	(230)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	390	(346)	210	560	842
Lợi nhuận thuần ĐC	390	(346)	210	560	842
EBITDA ĐC	557	(84.5)	993	1,498	1,928
EPS (đồng)	2,865	(2,537)	1,543	4,111	6,178
EPS ĐC (đồng)	2,865	(2,537)	1,543	4,111	6,178
DPS (đồng)	500	0	0	500	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	118	136	136	136	136
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	118	136	136	136	136
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	136	136	136	136	136

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	746	961	260	446	769
Đầu tư ngắn hạn	1,119	1,194	660	660	1,500
Phải thu khách hàng	89.6	126	152	179	203
Hàng tồn kho	6,484	8,427	9,878	11,233	12,741
Các tài sản ngắn hạn khác	889	708	822	836	851
Tổng tài sản ngắn hạn	9,327	11,415	11,771	13,354	16,064
TSCĐ hữu hình	675	1,079	1,130	1,124	1,060
TSCĐ vô hình	156	172	228	223	218
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	366	432	192	212	234
Tổng tài sản dài hạn	1,197	1,683	1,550	1,559	1,512
Tổng cộng tài sản	10,524	13,098	13,322	14,912	17,576
Nợ ngắn hạn	5,363	8,108	7,339	7,347	7,977
Phải trả người bán	2,307	2,274	2,736	3,224	3,669
Nợ ngắn hạn khác	766	921	1,164	1,573	2,206
Tổng nợ ngắn hạn	8,474	11,379	11,293	12,220	13,948
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0.01	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.09	0.54	0.09	0.09	0.09
Tổng nợ dài hạn	0.09	0.56	0.09	0.09	0.09
Tổng nợ phải trả	8,474	11,379	11,293	12,220	13,948
Vốn chủ sở hữu	2,008	1,599	1,809	2,301	3,007
Lợi ích cổ đông thiểu số	41.1	120	219	391	621
Tổng vốn chủ sở hữu	2,049	1,719	2,029	2,692	3,628
Tổng nợ phải trả và VCSH	10,524	13,098	13,322	14,912	17,576
BVPS (đ)	16,951	11,738	13,281	16,892	22,070
Nợ thuần*/(tiền mặt)	4,618	7,147	7,079	6,901	7,208

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	557	(84.5)	668	1,157	1,569
Khấu hao	0	0	(325)	(341)	(359)
Lãi vay thuần	(83.8)	(222)	(234)	(249)	(238)
Thuế TNDN đã nộp	(135)	(0.11)	(112)	(188)	(272)
Thay đổi vốn lưu động	(1,850)	(1,848)	(808)	(476)	(451)
Khác	(59.4)	329	163	(7.85)	(9.23)
LCT thuần từ HKKD	(1,572)	(1,826)	2.87	577	959
Đầu tư TS dài hạn	(454)	(705)	(369)	(330)	(290)
Góp vốn & đầu tư	2,378	33.6	435	0	(840)
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,924	(672)	65.5	(330)	(1,130)
Cổ tức trả cho CSH	(39.5)	(59.2)	0	(68.1)	(136)
Thu từ phát hành CP	11.5	27.3	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(684)	2,745	(769)	7.79	631
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(712)	2,713	(769)	(60.3)	494
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,105	746	961	260	446
LCT thuần trong kỳ	(360)	215	(701)	186	323
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.04	0.07	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	746	961	260	446	769
Dòng tiền tự do	(2,026)	(2,531)	(366)	247	669

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.6	16.2	19.2	19.8	20.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.84	(0.27)	2.59	3.32	3.75
Tỷ suất LNT (%)	1.29	(1.09)	0.55	1.24	1.64
Thuế TNDN hiện hành (%)	18.0	(11.9)	26.5	20.4	20.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	34.1	5.58	20.3	17.8	13.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	12.5	(115)	1,275	50.9	28.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(12.0)	(189)	161	166	50.3
Tăng trưởng EPS (%)	(9.31)	(189)	161	166	50.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(9.31)	(189)	161	166	50.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	(100)	nm	nm	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	17.5	0	0	12.2	16.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.3	(19.2)	12.3	27.2	31.7
ROACE (%)	29.9	(4.48)	35.7	49.0	49.6
Vòng quay tài sản (lần)	2.83	2.70	2.90	3.20	3.16
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(2.82)	21.6	0.00	0.50	0.61
Số ngày tồn kho	92.9	115	117	113	114
Số ngày phải thu	1.28	1.72	1.79	1.80	1.81
Số ngày phải trả	33.1	31.1	32.3	32.5	32.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	232	449	394	302	242
Nợ/tài sản (%)	51.3	62.2	55.4	49.6	45.7
EBIT/lãi vay (lần)	6.64	(0.38)	2.86	4.64	6.60
Nợ/EBITDA (lần)	9.70	(96.4)	7.43	4.94	4.17
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.10	1.00	1.04	1.09	1.15
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.83	0.96	0.79	0.67	0.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	44.7	(361)	30.6	20.2	15.8
P/E (lần)	59.8	N/a	111	41.6	27.7
P/E ĐC (lần)	59.8	N/a	111	41.6	27.7
P/B (lần)	10.1	14.6	12.9	10.1	7.76
Lợi suất cổ tức (%)	0.29	0	0	0.29	0.58

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn